TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/DS-PT.
Ngày: 30-9-2020.
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Hữu Thịnh**;

Ông **Bùi Xuân Liêm**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Lê Hoàng Tiến** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam***: Bà **Trần Thị Thanh Bắc** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 3 năm 2020 về "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2020/DS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2020/QĐXXPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D, Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Bùi Anh N**, sinh năm 1976; địa chỉ: Khối phố M, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam *(theo văn bản ủy quyền ngày 28/12/2018)*. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Hồ Thị T**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D, Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 63 H, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng *(theo văn bản ủy quyền ngày 02/3/2020)*. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Văn phòng Công chứng D.

Địa chỉ: Khối phố M, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Duy H**, chức vụ: Trưởng Văn phòng. Vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 5, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông **Huỳnh L**, sinh năm 1974.

- Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D, Quảng Nam. Vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Mạnh T1**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 27, ngõ 28/53 Đ, quận B, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- **Ủy B nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn T2**, chức vụ: Chủ tịch Ủy B nhân dân xã D. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Hồ Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Bùi Anh N trình bày:

Bà Hồ Thị B *(sinh năm 1938, chết ngày 22/7/2013)* không có chồng, con và cha, mẹ bà B chết trước năm 1975. Bà B có 02 người em ruột là bà Hồ Thị T và bà Hồ Thị M *(chết năm 2015)*. Bà M không có chồng và có 02 người con là ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn B. Khi còn sống, bà Hồ Thị B có tạo lập được khối tài sản là thửa đất số 793, tờ bản đồ số 08, diện tích 288,75m^2 tại Khu tái định cư ven biển D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất *(GCNQSDĐ)* số BI 047849 được Ủy ban nhân dân *(UBND)* huyện D cấp ngày 03/9/2013. Năm 2015, bà Hồ Thị T tự ý làm hồ sơ khai nhận thừa kế với nội dung bà T là người thừa kế duy nhất của bà B, được UBND xã D xác nhận bà T khai là đúng sự thật. Ngày 03/11/2015, Văn phòng Công chứng D đã chứng thực Văn bản khai nhận thừa kế. Biết được nội dung trên, ông Nguyễn Văn H làm đơn yêu cầu UBND xã D giải quyết. Ngày 15/12/2015, UBND xã mời các bên đến làm việc và lập biên bản hòa giải không thành và xác nhận hoàn trả lại hồ sơ thừa kế cho bà T. Từ đó đến nay, giữa ông H và bà T không có thỏa thuận gì với nhau nhưng không hiểu vì sao bà T vẫn làm thủ tục khai nhận di sản và bán thửa đất này cho người khác mà không nói gì đến quyền lợi của ông H. Do đó, ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết chia di sản thừa kế của bà Hồ Thị B theo quy định của pháp luật và ông H yêu cầu được nhận phần di sản bằng giá trị theo kết quả định giá, sau khi trừ chi phí chữa trị, mai táng cho bà B là 150.000.000 đồng. Trường hợp bà T không còn tài sản để thối trả cho ông H thì buộc UBND xã D phải chịu trách nhiệm liên đới cùng với bà T để bồi thường

thiệt hại cho ông H.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Hồ Thị T cũng như người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Hoàng T trình bày:

Cha, mẹ bà Hồ Thị T có 03 người con là bà Hồ Thị B, bà Hồ Thị T và bà Hồ Thị M. Bà Hồ Thị B không có chồng, con và cha, mẹ bà B chết trước năm 1975. Bà B chết ngày 22/7/2013 *(Âm lịch)*. Bà M chết năm 2015, không có chồng và có 02 con là ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn B. Khi còn sống, bà B được Nhà nước cấp thửa đất số 793, tờ bản đồ số 08, diện tích 288,75m^2 tại Khu tái định cư ven biển D theo GCNQSDĐ số BI 047849 ngày 03/9/2013. Khi còn sống, bà B bị bệnh ung thư tụy nên có ý định bán thửa đất này để chữa trị nhưng chưa bán được thì qua đời. Sau khi bà B chết, bà T và bà M cùng bàn bạc thống nhất bán thửa đất của bà B để lại để trả nợ tiền thuốc và lo chi phí mai táng. Bà T thông báo cho con cháu trong gia đình biết để ai cần thì được ưu tiên mua. Sau đó, vợ chồng con gái bà T là bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh L nhận chuyển nhượng thửa đất trên với giá 180.000.000 đồng. Số tiền chuyển nhượng đất được chi trả tiền thuốc điều trị bệnh, chi phí mai táng, làm tuần... cho bà B hết tổng cộng 150.000.000 đồng. Số tiền còn lại, bà T giao cho ông Nguyễn Văn B 14.000.000 đồng và bà giữ 14.000.000 đồng để lo hương khói. Khi làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế, do bà M già yếu không đi lại được nên bà T đi làm thủ tục tại UBND xã D. Lúc này, ông H khiếu nại lên xã, bà T có nói sẽ chịu trách nhiệm nếu ông H có ý kiến. Sau đó, xã hướng dẫn bà T lên Văn phòng Công chứng D để làm thủ tục. Nay, ông H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà B để lại thì bà T không đồng ý, vì khi bà T đứng ra chuyển nhượng thửa đất của bà B để lại đã được bà M đồng ý và số tiền chuyển nhượng được sử dụng để lo thuốc men, mai táng cho bà B.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn B trình bày:

Về hàng thừa kế và di sản thừa kế của bà Hồ Thị B thì ông thống nhất như lời trình bày của ông Nguyễn Văn H. Khi còn sống, bà B đã có ý định bán thửa đất của bà để trang trải chi phí chữa bệnh nhưng chưa bán được thì bà B chết. Sau khi bà B chết, bà T và mẹ ông đã thống nhất bán thửa đất của bà B để trả tiền thuốc men và lo mai táng. Khi bán có thông báo để con cháu trong nhà được ưu tiên mua trước. Sau đó, vợ chồng con gái bà T là bà N và ông L nhận chuyển nhượng thửa đất trên. Nay, ông Nguyễn Văn H khởi kiện thì ông không đồng ý. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H thì ông đồng ý giao kỷ phần ông được nhận lại cho bà T.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh L trình bày:

Vợ chồng ông, bà là con gái và con rể của bà Hồ Thị T. Năm 2015, vợ chồng ông, bà có nhận chuyển nhượng thửa đất số 793, tờ bản đồ số 08, diện tích 288,75m^2 tại Khu tái định cư ven biển D từ bà Hồ Thị T với giá 180.000.000 đồng. Ông, bà đã giao đủ cho bà T số tiền 178.000.000 đồng, sau khi trừ số tiền lưu phước là 2.000.000 đồng. Khi nhận chuyển nhượng đất, vợ

chồng ông, bà không hề biết thửa đất này đang có tranh chấp. Sau đó, ông, bà đã chuyển nhượng thửa đất cho người khác. Nay, ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế thì ông, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng Công chứng D là ông Nguyễn Duy H trình bày:

Ngày 03/11/2015, Văn phòng Công chứng D có tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng Văn bản nhận thừa kế theo pháp luật của bà Hồ Thị T. Khi kiểm tra thông tin, bà T khai nhận bà là người thừa kế duy nhất của bà Hồ Thị B. Đồng thời, bà T cũng xuất trình văn bản trình bày bà T là người thừa kế duy nhất của bà Hồ Thị B có xác nhận của UBND xã D. Do đó, Văn phòng Công chứng D thực hiện niêm yết công khai trong thời hạn 15 ngày tại UBND xã D. Sau khi kết thúc thời hạn niêm yết, không có ai khiếu nại, tranh chấp nên Văn phòng Công chứng D tiến hành công chứng Văn bản nhận thừa kế. Nay, phát hiện bà T khai gian dối, ông H yêu cầu chia di sản thừa kế và hủy Văn bản nhận thừa kế thì ông thống nhất và yêu cầu Tòa án hủy Văn bản nhận thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 793, tờ bản đồ số 08 của người để lại di sản là bà Hồ Thị B.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã D, huyện D trình bày:

Ngày 25/9/2015, ông Đoàn Xuân H là công chức Tư pháp - Hộ tịch có tham mưu cho UBND xã xác nhận đơn trình bày của bà Hồ Thị T về hàng thừa kế. Tuy nhiên, do chưa kiểm tra nội dung chặt chẽ nên UBND xã đã xác nhận chưa đúng với thực tế. Ngày 15/10/2019, UBND xã D có nhận được Thông báo số 248/TB/VPCCDX của Văn phòng Công chứng D về việc thông báo niêm yết văn bản nhận tài sản thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất của người để lại di sản là bà Hồ Thị B. Trong thời hạn 15 ngày, UBND xã không nhận được bất kỳ khiếu nại hay tố cáo nào. Nay, ông Nguyễn Văn H yêu cầu hủy Văn bản nhận thừa kế tài sản để chia di sản của bà Hồ Thị B để lại theo pháp luật thì UBND xã D thống nhất hủy Văn bản nhận thừa kế và đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông H theo quy định của pháp luật.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Mạnh T1 trình bày:

Ngày 20/3/2019, ông có nhận chuyển nhượng từ bà Trịnh Thị Thu H thửa đất số 793, tờ bản đồ số 08 thuộc Khu tái định cư ven biển xã D với giá chuyển nhượng là 16.000.000 đồng/m^2. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và được UBND huyện D cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất nêu trên. Khi nhận chuyển nhượng, ông không hề biết đây là di sản chưa được chia thừa kế. Nay, ông Nguyễn Văn H khởi kiện chia thừa kế của bà Hồ Thị B, ông đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông vì ông nhận chuyển nhượng ngay tình.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-

ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam đã áp dụng các Điều 133, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

1. Hủy Văn bản nhận thừa kế theo pháp luật đã được Văn phòng Công chứng D công chứng ngày 03 tháng 11 năm 2015, số công chứng 6350, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD về việc nhận thừa kế là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 793, tờ bản đồ số 08 *(Khu tái định cư ven biển D)*.

2. Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Hồ Thị B là giá trị quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 793, tờ bản đồ số 08 *(Khu tái định cư ven biển D)*.

Chia cho bà Hồ Thị T được nhận 1/2 giá trị di sản của bà Hồ Thị B là 2.235.000.000 đồng và phần giá trị di sản do ông Nguyễn Văn B giao cho bà T là 1.117.500.000 đồng, tổng cộng là 3.352.500.000 đồng.

Chia cho ông Nguyễn Văn H phần di sản có giá trị 1.117.500.000 đồng. Buộc bà Hồ Thị T phải có nghĩa vụ thối trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 1.117.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Hồ Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phúc thẩm, phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:* Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị T, hủy bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị T thì thấy:

[2.1] Bà Hồ Thị B *(sinh năm 1938, chết năm 2013)* có tạo lập được khối tài sản là thửa đất số 793, tờ bản đố số 08, diện tích 288,75m^2 tại Khu tái định cư ven biển D, huyện D, tỉnh Quảng Nam được UBND huyện D cấp GCNQSDĐ số BI 047894 ngày 03/9/2013. Bà Hồ Thị B chết năm 2013 không để lại di chúc nên di sản của bà B được chia thừa kế theo pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Bà B không có chồng, con và cha, mẹ bà B đều chết trước năm 1975 nên không có ai thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà B. Tại thời điểm mở thừa kế năm 2013, bà B có 02 người em gái ruột thuộc hàng thừa kế thứ hai là bà Hồ Thị M và bà Hồ Thị T. Bà Hồ Thị M chết năm 2015 nên 02 người con trai của bà M là ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn B có quyền hưởng phần di sản mà lẽ ra bà M được hưởng khi còn sống.

[2.2] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 09/7/2020, người đại diện hợp pháp của bị đơn cung cấp cho Tòa án bản sao Giấy khai sinh của ông Nguyễn Văn B, thể hiện mẹ của ông B là bà Hồ Thị M, cha của ông B là ông Nguyễn Trường Q và cho rằng ông Nguyễn Trường Q là chồng của bà Hồ Thị M nên đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại hàng thừa kế của bà Hồ Thị M theo đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Theo kết quả xác minh của Tòa án cấp phúc thẩm tại địa phương nơi cư trú của ông Nguyễn Trường Q, thể hiện: Ông Nguyễn Trường Q đã chết vào ngày 26/6/2020, nơi cư trú trước khi chết là thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Trước đây, ông Nguyễn Trường Q có quan hệ với bà Hồ Thị M sinh được 02 người con là ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971 và ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1976. Do đó, khi phân chia di sản thừa kế của bà Hồ Thị B, Tòa án cần phải xác định rõ ông Nguyễn Trường Q có phải là chồng *(người thuộc hàng thừa kế thứ nhất)* của bà M hay không, mới đảm bảo việc giải quyết vụ án được chính xác, đúng quy định của pháp luật. Do đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá khi xét xử nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể xem xét giải quyết đối với nội dung kháng cáo của bị đơn. Vì vậy, cần phải hủy bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm nên bà Hồ Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị T, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồ Thị T không phải chịu, hoàn trả cho bà Hồ Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007967 ngày 31/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án *(30/9/2020)*.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện Duy Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Duy Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo